

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả
chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17/7/2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số

20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số/BC-BVHXH ngày.... thángnăm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; hỗ trợ chi phí mai táng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; hộ gia đình, cá nhân chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (gọi chung là đối tượng bảo trợ xã hội).

b) Cơ quan Y tế các cấp; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; tổ chức dịch vụ chi trả và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội.

Điều 2. Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả và kinh phí thực hiện

Mức chi phí chi trả cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng bằng 1,0% trên tổng số tiền chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí chi cho tổ chức dịch vụ chi trả: Từ nguồn kinh phí chi đảm bảo xã hội giao cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố hàng năm.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thông qua ngày ... tháng...năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQVN, các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin Điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

.....